TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 319/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Dựa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Hoàng Thu;
2. Ông Trần Văn Hào;

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền– Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1516/2017/TLST–HNGĐ ngày 29/12/2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị Hồng T, sinh năm: 1988.
Địa chỉ: A17/250 ấp 1, xã P, huyện B, Tp. H.
2. Bị đơn: Ông Đoàn Thanh P, sinh năm: 1981.
Địa chỉ: A6/179 ấp 1, xã Đ, huyện B, Tp. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tô Thị Hồng T trình bày: Bà và ông Đoàn Thanh P sống chung từ năm 2008, do hai người tự tìm hiểu. Hai người có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung, chúng tôi có hạnh phúc. Đến khoảng năm 2015, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông P dánh bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Bà đã ly hôn một lần nhưng Tòa án hòa giải nên bà rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có một con chung là tên Đoàn Bảo K, giới tính nam, sinh năm 2009. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đoàn Thanh P trình bày: Ông và bà Tô Thị Hồng T sống chung với nhau từ năm 2008, do hai người tự tìm hiểu với nhau.

Chúng tôi có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn. ông xác định vợ chồng không mâu thẫn ông muốn vợ chồng về chung sống lại với nhau cùng nhau lo cho con và xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung có 01 con chung tên: Đoàn Bảo K, giới tính nam, sinh năm 2009

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Tô Thị Hồng T và ông Đoàn Thanh P.

2. Về con chung: Giao trẻ Đoàn Bảo K, giới tính nam, sinh ngày 16/8/2009 cho bà T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên xác định không có

4. Về nợ chung: Hai bên xác định không có

5. Về án phí: Bà Tô Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Tô Thị Hồng T yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Thanh P đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 46 quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2009, giữa bà Tô Thị Hồng T và ông Đoàn Thanh P là vợ chồng được pháp luật công nhận quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T và ông P đã sống ly thân với nhau. Đời sống chung vợ chồng của bà T và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xung đột cãi vã, không quan tâm chia sẽ các vấn đề trong cuộc sống với nhau. Hơn nữa, bà T đã từng nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giải quyết ly hôn nhưng Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 33/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2017, nay bà T tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông P lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên đều không có thiện chí hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Tô Thị Hồng T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét chấp nhận.

Ông Đoàn Thanh P không đồng ý ly hôn với bà T ông cho rằng ông còn thương yêu vợ con ông không muốn ly hôn, nhưng ông lại không thể hiện sự thiện chí đoàn tụ. Cụ thể là ông không đưa ra phương án nào để thể hiện sự thiện chí và sự mong muốn của mình để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời ông đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do điều này chứng tỏ ông P đã từ bỏ yêu cầu của mình. Do đó yêu cầu đoàn tụ của ông P là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận

[2.2] Về con chung: Giữa bà T và ông P có 01 (một) con chung tên Đoàn Bảo Kha, nam, sinh ngày 16/8/2009. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi trẻ Bảo Kha và bà không yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trẻ Kha đang sống chung với bà T và có mong muốn sống chung với Thúy. Bà T cũng đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho trẻ Kha. Nếu thay đổi việc nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Kha cho bà T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông P thực nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đoàn Thanh P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Hai bên xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Tô Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Tô Thị Hồng T và ông Đoàn Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46 Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Đoàn Bảo K, giới tính nam, sinh ngày 16/8/2009 cho bà T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đoàn Thanh P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Hai bên xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Tô Thị Hồng T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0031093 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM ;
-VKSND TP.HCM;
-VKSND H.BC;
-Chi cục THADS H.BC;
-UBND xã Đa Phước, H. Bình Chánh;
-Các đương sự;
-Lưu VP, hồ sơ.

Trương Văn Dựa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Hội thẩm nhân dân** **Chủ tọa phiên tòa**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 21/8/2018 tại Phòng nghị án phòng xử TAND huyện Bình Chánh.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

- Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Dựa

- Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Thị Nguyên.
2- Ông Võ Hoàng Thu.

Đã nghị án về vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 451/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Quang Điền, bị đơn ông Đoàn Thanh P.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định những vấn đề sau:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tỉ lệ biểu quyết 3/3

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Tô Thị Hồng Tvà ông Đoàn Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37 do Ủy ban nhân dân phường 7, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/3/2000 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Võ Ngọc Tú Quyên, giới tính nữ, sinh ngày 15/01/2004 cho bà Tnuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tkhông yêu cầu ông P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đoàn Thanh P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Hai bên xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Bà Tô Thị Hồng Tphải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0031810 ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tỉ lệ biểu quyết 3/3

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày, các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân	Hội thẩm nhân dân	Chủ tọa phiên tòa